

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST

Ngày 04-3-2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa: Bà Bò Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã T tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 15/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Tạ Ngọc Hoàng P, sinh năm 1978; địa chỉ thường trú: Tổ 1, khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Bích T, sinh năm 1980; địa chỉ thường trú: Tổ 1, khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Tạ Ngọc Hoàng P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Tạ Ngọc Hoàng P và bà Trần Thị Bích T có thời gian tìm hiểu nhau thì tiến tới hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 76 ngày 09-4-2002. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2014 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Hơn nữa do bà T không chung T với

ông P, có mối quan hệ với người đàn ông khác. Ông P đã tha thứ cho bà T một lần để gia đình được hạnh phúc, vợ chồng hàn gắn với nhau. Tuy nhiên bà T vẫn không thay đổi, vẫn tiếp tục có mối quan hệ với người đàn ông khác. Vì vậy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông P yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Tạ Ngọc Mỹ V, sinh ngày 15-8-2002 và Tạ Ngọc Minh Ph, sinh ngày 23-5-2004. Khi ly hôn ông P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Tạ Ngọc Minh Ph, đối với con Tạ Ngọc Mỹ V thì nếu con chung mong muốn sống với ai thì ông P đồng ý giao con cho người đó nuôi. Về cấp dưỡng: Ông P không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Ông P tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do bận công việc, không có thời gian tham gia tố tụng nên ông P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt.

Bị đơn bà Trần Thị Bích T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T thống nhất với lời trình bày của ông P về thời gian tìm hiểu, thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn. Bà T xác định vẫn còn tình cảm với ông P. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn mà ông P trình bày thì bà T thống nhất. Bà T thừa nhận có mối quan hệ với người đàn ông khác nên vợ chồng không còn chung sống với nhau, sự việc chỉ xảy ra cách đây khoảng 01 năm. Tuy nhiên, bà T không đồng ý ly hôn với ông P vì bà T mong muốn cùng nhau chăm sóc con chung để không ảnh hưởng đến tâm lý của các con.

Về con chung: Bà T thống nhất với lời trình bày của ông P về con chung. Bà T không đồng ý ly hôn nên mong muốn vợ chồng cùng chăm sóc các con.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Bà T tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương về mâu thuẫn vợ chồng của ông P và bà T thì chính quyền địa phương không rõ.

Con chung của ông P và bà T là cháu Tạ Ngọc Mỹ V và Tạ Ngọc Minh Ph có văn bản trình bày ý kiến: Nếu cha mẹ ly hôn, cháu V có nguyện vọng được sống với mẹ, cháu Ph có nguyện vọng được sống với cha.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét

xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu và kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tạ Ngọc Hoàng P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Nguyên đơn ông Tạ Ngọc Hoàng P có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Trần Thị Bích T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 227 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Tạ Ngọc Hoàng P và bà Trần Thị Bích T có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 76 ngày 09-4-2002, là hôn nhân hợp pháp.

Ông Tạ Ngọc Hoàng P xác định từ năm 2014 đến nay vợ chồng không còn sống chung và không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo các đương sự trình bày là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Hơn nữa bà T không chung T với ông P và có mối quan hệ với người đàn ông khác nên từ năm 2014 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, hiện tại vợ chồng không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại Điều 17 và 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: *“Vợ chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung T, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*. Đối chiếu với quy định nêu trên thì việc chung sống giữa ông P và bà T không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Ông P yêu cầu được nuôi con chung tên Tạ Ngọc Minh Ph, sinh ngày 23-5-2004. Xét thấy, hiện tại con chung đang sống cùng ông P, ông P có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và con chung cũng có nguyện vọng sống chung với ông P. Do vậy, yêu cầu được nuôi con của

ông P là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Đối với con chung tên Tạ Ngọc Mỹ V, sinh ngày 15-8-2002 có nguyện vọng được sống chung với bà T và ông P cũng đồng ý giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông P.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông P không cấp dưỡng nuôi con chung Tạ Ngọc Mỹ V và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung Tạ Ngọc Minh Ph nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý chí tự nguyện của ông P.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Tạ Ngọc Hoàng P phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tạ Ngọc Hoàng P về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con với bị đơn bà Trần Thị Bích T như sau:

- Về hôn nhân: Ông Tạ Ngọc Hoàng P được ly hôn với bà Trần Thị Bích T.

- Về con chung: Giao con chung tên Tạ Ngọc Mỹ V, sinh ngày 15-8-2002 cho bà Trần Thị Bích T được trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung tên Tạ Ngọc Minh Ph, sinh ngày 23-5-2004 cho ông Tạ Ngọc Hoàng P được trực tiếp nuôi dưỡng. Các đương sự không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Tạ Ngọc Hoàng P và bà Trần Thị Bích T đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa

thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Tạ Ngọc Hoàng P phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0014658 ngày 26-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã T (01);
- Chi cục THADS thị xã T (01);
- UBND phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu VT, HS (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Tâm